



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

Email: [info@tac.com.vn](mailto:info@tac.com.vn) Website: [www.tac.com.vn](http://www.tac.com.vn)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008**

### **I - LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tiền thân là doanh nghiệp cổ phần 100% vốn Nhà nước do 10 doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam) góp vốn thành lập từ tháng 01 năm 2002. Được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4603000035 ngày 24 tháng 12 năm 2001, có trụ sở đặt tại QL 13 - Thuận Giao - Thuận An - Bình Dương.

Vị trí Công ty đặt tại trung tâm các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương cách thành phố Hồ Chí Minh 23 km, cách thị xã Thủ Dầu Một 7 km.

Diện tích mặt bằng trụ sở Công ty đặt tại huyện Thuận An tỉnh Bình Dương là: 29.877 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng sản xuất là: 14.547 m<sup>2</sup> (chiếm 49% tổng diện tích) đường giao thông nội bộ, sân bãi là: 11.376,5 m<sup>2</sup> (chiếm 38% tổng diện tích) sân vườn cây xanh là 3.963,5 m<sup>2</sup> (chiếm 13% tổng diện tích).

Tháng 04 năm 2005, thực hiện theo quyết định số 193/QĐ-KHĐT ngày 02 tháng 03 năm 2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam, Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bán 49 % cổ phiếu của các cổ đông sáng lập ra thị trường cho các nhà đầu tư khác.

Tháng 01 năm 2006, công ty đã phát hành thêm 4,4 triệu cổ phiếu để đầu tư dự án xây dựng nhà máy tại Xã Minh Hưng - Chơn Thành - Bình Phước, nâng vốn điều lệ của công ty lên mức **84,0775** tỷ đồng.

Diện tích mặt bằng chi nhánh của Công ty đặt tại huyện Chơn Thành tỉnh Bình Phước (Nhà máy chế biến gỗ Bình Phước – Giai đoạn 1) là: 195.000 m<sup>2</sup> trong đó, diện tích nhà xưởng là 27.080 m<sup>2</sup>.

Ngày 23 tháng 07 năm 2007, Công ty CP chế biến gỗ Thuận An chính thức niêm yết 8.407.750 Cổ phiếu lên Trung tâm giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán **GTA** và **GTA** đã trở thành cổ phiếu đầu tiên trong năm 2007 niêm yết và giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM và cũng là cổ phiếu đầu tiên áp dụng quy định mới về giá chào sàn.

Ngày 22/10/2007, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 200/UBCK-GCN cho Công ty Cổ phần chế biến gỗ Thuận An với số lượng 1.992.250 cổ phiếu nhằm huy động vốn đầu tư tiếp nhà máy Bình Phước, nâng tổng vốn điều lệ lên thành 104 tỷ đồng.

Trong thời gian từ 12/03/2008 đến 12/06/2008, Công ty đã tiến hành mua lại 270.000 cổ phiếu quỹ, với mức giá bình quân 16.177đồng/CP, tương đương 4.367.674.414 đồng.

Ngày 26/06/2008 Công ty đã tiến hành chuyển nhượng phần góp vào Công ty Cao su Chư Prông số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.



#### **✚ Ngành nghề kinh doanh :**

- ✓ Khai thác và sơ chế gỗ; Cưa xẻ gỗ thành ván; Bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ.
- ✓ Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình kỹ thuật; Xây dựng công trình công nghiệp; Lắp đặt đồ gỗ trong xây dựng.
- ✓ Mua bán giường, tủ, bàn, ghế; Mua bán gỗ các loại; Mua bán thiết bị máy công nghiệp, khai khoáng, lâm nghiệp và xây dựng;
- ✓ Mua bán mủ cao su.

#### **✚ Quá trình phát triển :**

Hiện nay, sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu của Công ty đã nhiều năm liên tục cạnh tranh được về mặt chất lượng sản phẩm với các nước ASEAN như Indonesia, Malaysia, Thái Lan... trên thị trường Châu Âu, Mỹ... Thị trường Mỹ và Châu Âu là 2 thị trường khó tính nhưng tính ổn định cao và là thị trường truyền thống của Công ty trong các năm qua. Sản phẩm đồ gỗ của Công ty đã tạo được uy tín và có được bạn hàng gắn bó lâu dài, hợp tác mở rộng thị trường, giúp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại và đảm bảo được nhu cầu tiêu thụ sản phẩm với số lượng lớn và tăng trưởng liên tục. Năm 2005 và năm 2006 Công ty được bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu có uy tín. Cụ thể, năm 2005 được Bộ thương mại bình chọn là doanh nghiệp xuất khẩu xuất sắc, được tặng bằng khen và thưởng xuất khẩu năm 2005 là 300 triệu đồng.

Năm 2007 Công ty chuyển phần lớn doanh thu từ hàng ngoài trời (outdoor) từ thị trường Châu Âu sang mặt hàng trong nhà (indoor) cho thị trường Mỹ.

Trong năm 2008, để đối mặt với sự bất ổn định của thị trường Mỹ, Công ty đã tập trung phát triển thêm một số dòng sản phẩm giá rẻ mới bên cạnh những dòng sản phẩm xuất khẩu truyền thống trước đây.

Các sản phẩm của Công ty hoàn toàn sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng trong nước (cao su và trà) cho nên có thể chủ động được nguồn nguyên liệu cho sản xuất, hạn chế việc tăng chi phí từ nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Để đạt được hiệu quả cao hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay, song song với việc duy trì và phát triển thị trường Mỹ và Châu Âu đang có thế lực. Công ty đang nỗ lực hiện đại hoá công tác tổ chức quản lý nhằm giảm chi phí sản xuất, tạo thế mạnh cho việc cạnh tranh mạnh mẽ để mở rộng thị trường tiêu thụ đồ gỗ sang các thị trường tiêu thụ khác như Nhật Bản và các nước khác trong khu vực.

Sản phẩm chủ yếu tiêu thụ ở thị trường nội địa là các loại phôi gỗ cao su sấy và các loại ván ghép bán cho các nhà máy tinh chế trên các địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh...

## **II - HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2008**

Thực hiện kế hoạch SX-KD năm 2008, Công ty Cổ phần chế biến gỗ Thuận An có một số thuận lợi cơ bản nhưng cũng phải đối mặt với không ít khó khăn làm ảnh hưởng đến tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch HĐQT đã giao.

Cơ sở vật chất tại hai đơn vị sản xuất được đầu tư tương đối đầy đủ, bộ máy quản lý tại Xí nghiệp tinh chế trung tâm đã ổn định, chi nhánh Bình Phước cũng được bổ sung thêm một số cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm từ Xí nghiệp Trung tâm.



Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế toàn cầu bị suy thoái, công ty Thuận An cũng không nằm ngoài vùng ảnh hưởng : Có đơn hàng bị cắt toàn bộ, có đơn hàng phải giãn thời gian giao hàng và có khách hàng chưa đưa đơn hàng mới do chưa thống nhất được mức điều chỉnh giảm giá.

Đầu năm 2008, do ảnh hưởng của giá xăng dầu thế giới tăng, tình hình thị trường lạm phát làm giá cả các loại nguyên vật liệu tăng đồng loạt trong khi giá đầu ra của sản phẩm đã được xác nhận từ đầu năm nên thu nhập doanh nghiệp bị sút giảm nghiêm trọng. Sang quý 3/2008 do ảnh hưởng do tình hình khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến tốc độ tiêu thụ và giá cả các sản phẩm tiêu dùng trong đó có sản phẩm đồ gỗ giảm mạnh. Các khách hàng nước ngoài chiến lược và tiềm năng của công ty đều yêu cầu công ty tăng chất lượng sản phẩm và giảm giá bán sản phẩm gây áp lực lớn cho công ty.

Tuy nhiên, do công ty đã xây dựng được chiến lược khách hàng, nên những khách hàng chiến lược và tiềm năng của công ty vẫn đảm bảo được sản lượng và doanh thu tiêu thụ trong năm 2008 nên doanh thu về sản phẩm tinh chế nhất là tinh chế xuất khẩu tăng cao so với năm 2007.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2007	TH 2008	Tỷ lệ %
<b>1</b>	<b>Sản lượng khai thác</b>				
	- Gỗ cao su				
	+ Diện tích	ha	756,93	277,94	36,72%
	+ Sản lượng	Ster	120.974,00	47.369,60	39,16%
<b>2</b>	<b>Sản lượng thành phẩm sản xuất</b>				
	- Sản lượng sơ chế	m <sup>3</sup>	22.720,56	20.489,00	90,18%
	- Sản lượng tinh chế	m <sup>3</sup>	4.260,83	6.245,62	146,58%
<b>3</b>	<b>Doanh thu</b>		<b>133.959.564.250</b>	<b>163.592.110.640</b>	<b>122,12%</b>
	- Sản phẩm sơ chế	đồng	74.439.045.697	35.863.090.296	48,18%
	- Sản phẩm tinh chế	đồng	59.499.693.903	127.257.063.482	213,88%
	<i>Trong đó: sp tinh chế xuất khẩu</i>	đồng	<i>48.817.827.545</i>	<i>113.828.336.633</i>	<i>233,17%</i>
	- Sản phẩm khác	đồng	20.824.650	471.956.862	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>đồng</b>	<b>16.489.684.439</b>	<b>8.874.819.960</b>	<b>53,82%</b>
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>đồng</b>	<b>14.848.247.132</b>	<b>7.631.274.157</b>	<b>51,40%</b>
<b>6</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp</b>	<b>%</b>	<b>17,66</b>	<b>7,34</b>	
<b>7</b>	<b>Lao động - Tiền lương</b>				
	- Lao động bình quân	người	672	753	
	- Tổng thu nhập	đồng	14.116.604.925	20.940.064.031	148,34%
	- Thu nhập bình quân	đồng/ng	1.750.571	2.317.404	132,38%



**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN GỖ THUẬN AN**

**Một số chỉ tiêu tài chính :**

		Năm 2008	Năm 2007
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	46.76	45.77
- Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	53.24	54.23
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
-Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	19.17	46.39
-Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	80.83	53.61
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5.22	2.16
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2.78	1.17
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0.43	0.40
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	5.23	11.64
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	4.49	10.48
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
-Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng TS	%	4.59	8.25
-Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	3.94	7.43
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn góp	%	7.34	17.66

So với năm 2007, doanh thu sơ chế giảm 53%, tinh chế tăng 133%, tổng doanh thu tăng 22%. Nhìn chung sản lượng tiêu thụ tăng, tuy nhiên do giá thành tiêu thụ tăng hơn 26% nên chỉ tiêu lợi nhuận thấp hơn 2007.

Thu nhập của người lao động cao hơn năm 2007. Ban điều hành Công ty rất quan tâm đến việc chăm lo đời sống cho CBCNV.

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo : book value ( vốn chủ sở hữu / vốn điều lệ ) là 1,5

- ❖ Tổng số cổ phiếu phổ thông: 10.400.000CP
- ❖ Tổng số cổ phiếu đang lưu hành : 10.130.000CP
- ❖ Số lượng cổ phiếu quỹ : 270.000CP
- ❖ Cổ tức : dự kiến chia cổ tức năm 2008 là 6% (600đồng/cổ phiếu).

### **III - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA GỖ THUẬN AN**

Trước những khó khăn chung do suy thoái kinh tế toàn cầu đã tác động rất lớn tới nền kinh tế Việt Nam làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2009 đòi hỏi Công ty phải tập trung mọi biện pháp, phát huy nội lực, tận dụng tất cả các khả năng của ngoại lực nhằm tháo gỡ khó khăn, tăng năng lực cạnh tranh, từng bước ổn định bộ máy tổ chức quản lý phù hợp với tình hình thực tế công ty đảm bảo ổn định sản xuất, tạo niềm tin trong CBCNV cùng nhau góp sức giúp đơn vị vượt qua giai đoạn khó khăn này.

- ✓ Cùng cố và hoàn thiện bộ máy quản lý Công ty, Chi nhánh và Xí nghiệp tinh chế Trung tâm nhằm đảm bảo công ty hoạt động tốt và có hiệu quả. Đây là vấn đề quan trọng, quyết định sự thành công của công ty.





- ✓ Sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm duy trì và phát triển ổn định trong cơn bão tài chính hiện nay.
- ✓ Thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường, khai thác thị trường nội địa, xây dựng chiến lược về khách hàng mục tiêu, củng cố, ổn định thị trường truyền thống, chủ động tìm kiếm các thị trường mới phù hợp với năng lực của công ty, đa dạng hoá các chủng loại sản phẩm, nắm bắt kịp thời xu hướng phát triển chung của thị trường để phát triển các dòng sản phẩm mới đáp ứng thị hiếu của khách hàng trong và ngoài nước.
- ✓ Tăng cường công tác kiểm soát kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, tổ chức sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001 : 2000), thực hiện tốt các chương trình khách hàng đề ra như: Iway, Qway. Quan tâm chăm lo công tác bảo hộ lao động, điều kiện lao động sản xuất. Có kế hoạch đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân.
- ✓ Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý chặt chẽ đầu vào nguyên liệu, vật tư từ giá cả, số lượng, chất lượng, quản lý chặt hơn việc sử dụng nguyên liệu, vật tư để hạ giá thành sản phẩm .
- ✓ Nâng cao vai trò tinh thần trách nhiệm điều hành của Giám Đốc các Chi nhánh, Xí nghiệp, kết hợp với đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, khuyến khích, khen thưởng kịp thời để tạo thành sức mạnh tổng hợp phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2009.
- ✓ Thực hiện khoán lương đến từng tổ sản xuất, đến người lao động để kích thích tăng năng suất lao động đồng thời ổn định chất lượng sản phẩm.
- ✓ Chuẩn bị đồng bộ nguyên liệu, vật tư kịp thời để đảm bảo nhu cầu sản xuất .
- ✓ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho đội ngũ Cán Bộ của Công ty bằng nhiều hình thức đào tạo tại chỗ và gửi đi học. Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo Cán bộ cho các vị trí còn thiếu.
- ✓ Sắp xếp lại thiết bị trên mặt bằng xưởng phù hợp với quy trình sản xuất để giảm thiểu thao tác thừa, đầu tư thêm thiết bị để giảm lao động thủ công .
- ✓ Triển khai thực hiện tốt 5S : Sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng.
- ✓ Tăng cường các biện pháp chăm sóc tốt những khách hàng hiện có và tìm kiếm thêm khách hàng mới có tiềm năng. Tăng thêm uy tín đối với khách hàng: chất lượng sản phẩm, thời hạn giao hàng, cách ứng xử trên tinh thần hợp tác thiện chí, thực hiện khẩu hiệu: “Tất cả cho khách hàng, khách hàng cho tất cả”
- ✓ Chăm lo đời sống cho CB-CNV về vật chất cũng như tinh thần, cải thiện môi trường làm việc cho người lao động để nâng cao ý thức, trách nhiệm đối với công việc và gắn bó với Công ty.

Với dân số trên 80 triệu dân, Việt Nam là một là một nền kinh tế đang phát triển mạnh mẽ, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, sức mua ngày càng tăng, Việt Nam là một thị trường đầy tiềm năng về tiêu thụ sản phẩm gỗ chế biến. Hiện tại so với các nước khác trên thế giới sức tiêu thụ sản phẩm gỗ chế biến của nước ta còn chiếm một tỷ lệ thấp so với các nước trong khu vực và thế giới, điều này cho thấy thị trường đồ gỗ Việt Nam còn rất nhiều tiềm năng mà trong thời gian tới Công ty sẽ tập trung khai thác mạnh mẽ.

Định hướng phát triển dài hạn với một cơ cấu tổ chức hợp lý và dần dần hoàn thiện có thể phát huy hết các thế mạnh hiện có, chiến lược kinh doanh trong thời gian tới như sau

#### **🚩 Về sản xuất, kinh doanh, đầu tư :**

- ✓ Không ngừng củng cố và phát triển thương hiệu T.A.C và tiếp tục giữ vững vị trí hàng đầu trong lĩnh vực chế biến gỗ.



- ✓ Phát triển về ưu thế công nghệ, quản lý, xây dựng hệ thống vệ tinh cung cấp bán thành phẩm để tăng doanh thu và giảm chi phí giá thành sản phẩm.
- ✓ Kinh doanh địa ốc: Đầu tư xây dựng các công trình, khu cư xá hoàn chỉnh bao gồm cả các dịch vụ nội ngoại thất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của xã hội.
- ✓ Xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn có tay nghề cao có trình độ công nghệ quốc tế, cải tiến chế độ lương, thưởng... nâng cao mức sống cho người lao động trong Công ty.
- ✓ Hiện đại hoá Công ty, ứng dụng công nghệ thông tin vào các khâu quản trị tài chính kế toán, quản lý sản xuất, xây dựng kế hoạch và dần dần tiếp cận với thương mại điện tử.
- ✓ Thực hiện liên kết với 5 hay 6 công ty cùng ngành nghề hoạt động để hợp tác sản xuất kinh doanh để đáp ứng yêu cầu của các khách hàng lớn, đa dạng về sản phẩm mà Công ty chưa đáp ứng.

#### **🚧 Về thị trường :**

- ✓ Đảm bảo sức cạnh tranh mạnh mẽ cho hầu hết các sản phẩm của Công ty ở thị trường quốc tế và trong nước trên cơ sở ổn định chất lượng hạ giá thành sản phẩm, giữ vững thị trường và khách hàng truyền thống là Mỹ và Châu Âu và tiếp tục mở rộng thêm thị trường một số nước khác.
- ✓ Phát triển thị trường trong nước về đồ gỗ và trang trí nội thất cho các công trình có nhu cầu về kỹ thuật và đòi hỏi tính thẩm mỹ cao. Hoàn thiện hệ thống phân phối nhằm khai thác nguồn tiềm năng của thị trường nội thất trong nước. Tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu đồ gỗ chế biến sang các thị trường lớn như Mỹ và các nước Châu Âu nhằm tăng thị phần xuất khẩu lên 95% tổng giá trị xuất lượng.

#### **🚧 Về tài chính :**

- ✓ Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính
- ✓ Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định
- ✓ Không ngừng nâng cao giá trị cho cổ đông

#### **🚧 Về nguồn nhân lực :**

- ✓ Xây dựng chính sách nhằm thu hút thêm nguồn lao động có năng lực vào Công ty
- ✓ Tiếp tục liên kết với các cơ sở đào tạo để tổ chức các khoá huấn luyện về chuyên môn cũng như năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty.
- ✓ Cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.
- ✓ Chăm lo đời sống cho cán bộ công nhân viên, luôn có những chế độ đãi ngộ đặc biệt cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại chi nhánh Bình Phước.
- ✓ Tiếp tục phát triển mô hình cán bộ công nhân viên sống và làm việc cùng công ty hiện đang thực hiện tại chi nhánh để góp phần ổn định đời sống của cán bộ công nhân viên giúp duy trì nguồn nhân lực ổn định.



## IV - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Số: /2009/BCKT-AASCN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008  
của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An.

**Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 5 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán tại Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần.

#### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Cuộc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng cuộc kiểm toán của chúng tôi đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2009*

<b>Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt</b>	
<b>Giám đốc</b>	<b>Kiểm toán viên</b>
<b>Bùi Ngọc Vương</b> Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV	<b>Nguyễn Thị Mỹ</b> Chứng chỉ KTV số: 0302/KTV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.039.339.055</b>	<b>108.330.261.406</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>12.933.069.911</b>	<b>10.782.861.980</b>
1.	Tiền	111	V.1	12.933.069.911	10.782.861.980
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.904.251.092</b>	<b>26.548.819.000</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.904.251.092	26.548.819.000
2.	Dự Phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		0	
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>25.055.679.481</b>	<b>21.775.253.815</b>
1.	Phải thu của khách hàng	131		16.291.511.504	15.065.523.959
2.	Trả trước người bán	132		6.539.145.153	6.270.959.995
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.3	2.529.993.612	703.951.655
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-304.970.788	-265.181.794
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>58.887.467.931</b>	<b>44.283.257.626</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	59.291.405.221	44.283.257.626
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-403.937.290	0
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.258.870.640</b>	<b>4.940.068.985</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		275.322.170	658.762.666
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.767.934.279	3.617.687.100
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		215.614.191	663.619.219
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>90.505.815.791</b>	<b>91.446.698.143</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.816.530.518</b>	<b>83.749.319.549</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	82.329.281.458	82.610.295.969
	- Nguyên giá	222		117.795.853.372	107.768.301.350
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-35.466.571.914	-25.158.005.381
4.	Chi phí XD/CB dở dang	230	V.11	487.249.060	1.139.023.580
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.13	<b>7.200.000.000</b>	<b>7.438.111.250</b>
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.200.000.000	7.438.111.250
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>489.285.273</b>	<b>259.267.344</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	489.285.273	259.267.344
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>193.545.154.846</b>	<b>199.776.959.549</b>





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
<b>A.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>37.099.842.561</b>	<b>92.682.452.007</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>37.070.844.842</b>	<b>92.678.894.369</b>
2.	Phải trả người bán	312		9.336.348.368	15.877.493.088
3.	Người mua trả tiền trước	313		18.432.456.941	11.105.971.573
4.	Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	189.131.494	763.796.030
5.	Phải trả người lao động	315		2.750.255.581	4.545.866.009
6.	Chi phí phải trả	316	V.17	50.000.000	37.849.473
7.	Phải trả nội bộ	317		0	0
9.	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	6.312.652.458	60.347.918.196
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>28.997.719</b>	<b>3.557.638</b>
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		28.997.719	3.557.638
<b>B.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>156.445.312.285</b>	<b>107.094.507.542</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>153.594.260.297</b>	<b>105.170.807.972</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		104.000.000.000	84.077.500.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		41.982.000.000	10.153.995.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-4.367.674.414	0
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		2.014.733.950	1.225.751.593
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.333.926.604	1.591.514.247
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.631.274.157	8.122.047.132
<b>II.</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.851.051.988</b>	<b>1.923.699.570</b>
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.851.051.988	1.923.699.570
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>193.545.154.846</b>	<b>199.776.959.549</b>

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại (USD)		804.195,82	5.856,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>1.</b>	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.25	<b>163.592.110.640</b>	<b>133.959.564.250</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.26	3.367.235.854	319.584.703
<b>3.</b>	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.27	<b>160.224.874.786</b>	<b>133.639.979.547</b>
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	146.956.003.010	118.019.983.078
<b>5.</b>	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>13.268.871.776</b>	<b>15.619.996.469</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	6.089.567.231	2.635.340.626
7.	Chi phí tài chính	22	VI.30	201.451.542	510.227.407
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		0	347.443.606
8.	Chi phí bán hàng	24		3.590.076.722	1.737.393.686
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.735.318.258	4.613.679.899
<b>10.</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>8.831.592.485</b>	<b>11.394.036.103</b>
11.	Thu nhập khác	31		102.164.821	5.127.936.767
12.	Chi phí khác	32		58.937.346	32.288.431
<b>13.</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>43.227.475</b>	<b>5.095.648.336</b>
<b>14.</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>8.874.819.960</b>	<b>16.489.684.439</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	1.243.545.803	1.641.437.307
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
<b>17.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN</b>	<b>60</b>		<b>7.631.274.157</b>	<b>14.848.247.132</b>
<b>18.</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.34	<b>756</b>	<b>1.766</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2008	Năm 2007
<b>I -</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		171.187.100.600	132.612.449.209
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		-156.997.595.884	-181.848.582.641
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		-35.312.836.284	-13.868.598.491
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		0	-291.443.606
5.	Tiền chi nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-1.826.872.301	-1.032.042.803
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.516.617.324	139.383.690.732
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-16.278.815.338	-93.441.879.372
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>-17.712.401.883</b>	<b>-18.486.406.972</b>
<b>II -</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-8.128.128.678	-22.600.000
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		321.200.000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-96.556.840.000	-27.083.819.000
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		132.192.739.000	7.785.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-1.200.000.000	-4.200.000.000
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.595.278.125	0
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.706.094.281	0
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>32.930.342.728</b>	<b>-23.521.419.000</b>
<b>III -</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	51.797.400.000
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-4.367.674.414	0
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	34.686.730.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	-29.164.422.500
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-8.700.058.500	-12.973.730.000
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-13.067.732.914</b>	<b>44.345.977.500</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.150.207.931</b>	<b>2.338.151.528</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	V.1	<b>10.782.861.980</b>	<b>8.444.710.452</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>12.933.069.911</b>	<b>10.782.861.980</b>



## V - GIẢI TRÌNH BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An (sau đây gọi là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4603000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 12 năm 2001. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 03 tháng 01 năm 2006, lần thứ 2 ngày 12 tháng 01 năm 2007, lần thứ 3 ngày 16 tháng 6 năm 2008 và lần thứ 4 số ngày 09 tháng 7 năm 2008.

Vốn điều lệ của Công ty là 104.000.000.000 VND, trong đó:

Tổng số cổ phần đã phát hành là 10.040.000 cổ phần, tương ứng với 10.040.000 cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 VND.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính Việt Nam ban hành.

Tuân thủ các quyết định và thông tư hướng dẫn các chuẩn mực kế toán Việt Nam nói trên, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn các chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể áp dụng được đối với hoạt động kinh doanh của Công ty để lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền đang chuyển, các tài khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).



Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

## 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho và dự phòng hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua trên hoá đơn và các chi phí liên quan phát sinh nhằm đưa hàng tồn kho vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu  
Công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá trị nguyên vật liệu chính và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường
- Thành phẩm: Giá bình quân gia quyền

Dự phòng hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng này được tính vào giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

<i>Loại tài sản cố định:</i>	<i>Thời gian (năm)</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 22
Máy móc thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 08
Thiết bị khác	03 – 05

## 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Giá trị của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá gốc của từng loại đầu tư.





Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được xác lập trên cơ sở đánh giá về khả năng và mức độ tồn thất khi xảy ra giảm giá đối với từng loại đầu tư.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Các khoản chi phí đi vay được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nếu không đủ điều kiện được vốn hoá theo quy định.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Ngoài ra, việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:**

Chi phí trả trước của công ty bao gồm chủ yếu là chi phí thiết lập trang website của Công ty, chi phí thiết lập hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 và giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 10 triệu đồng) như công cụ dụng cụ, phụ tùng thay thế. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm kể từ khi phát sinh.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị chi phí đã tính trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính của Công ty nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí tiền điện, nước, chi phí xuất khẩu...

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị doanh nghiệp được đánh giá khi cổ phần hoá. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức được chia từ việc góp vốn liên doanh, thu nhập từ chuyển nhượng vốn cổ phần và lãi chênh lệch tỷ giá.



**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính:**

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thoả thuận và thời gian vay thực tế.

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:**

Khoản phải thu:

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến có thể bị tổn thất do các khoản phải thu chưa được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nghĩa vụ thuế như sau:

*Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):*

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo các mức thuế suất sau:

- Hàng tiêu thụ nội địa chịu các mức thuế suất: 5% đối với phế liệu thu hồi trên lô; 10% đối với sản phẩm sơ chế, tinh chế và phế liệu tận thu tại xưởng.
- Hàng xuất khẩu chịu thuế suất 0%.

*Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):*

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 43/CN – UB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Bình Dương (thay thế Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số: 30/CN- UB ngày 22 tháng 3 năm 2002 của UBND tỉnh Bình Dương), Công ty được ưu đãi thuế như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 là 20% trên lợi nhuận thu được (điều chỉnh theo Điều 35 nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ).
- Công ty miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm đầu kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo (điều chỉnh theo Công văn hướng dẫn số 3568 CT/TT&HT ngày 7 tháng 6 năm 2005 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Bình Dương).

Năm tài chính 2002 là năm đầu tiên Công ty kinh doanh có lãi, năm tài chính 2008 là năm thứ năm (05) Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Các loại thuế khác:* theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc thiết bị nhập khẩu tạo thành tài sản cố định để thực hiện dự án đầu tư.

Các khoản khác biệt về thuế và các ưu đãi đầu tư khác sau khi Cơ quan thuế kiểm tra và kết luận sẽ được Công ty điều chỉnh sổ kế toán một cách tương ứng.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền:**

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Tiền mặt tại quỹ (i)	257.608.695	381.327.502
- Tiền gửi ngân hàng (ii)	12.675.461.216	10.391.410.708
- Tiền đang chuyển	-	10.123.770
<b>Cộng</b>	<b><u>12.933.069.911</u></b>	<b><u>10.782.861.980</u></b>

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2008 bao gồm:

	<u>USD</u>	<u>VND</u>
- Đồng Việt Nam	-	257.608.695
<b>Cộng</b>	-	<b><u>257.608.695</u></b>

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2008 bao gồm:

	<u>USD</u>	<u>VND</u>
- USD tại NH ĐT và PT - CN Bình Dương	45.11	765.832
- USD tại NH NT - CN Bình Dương	346.57	5.883.719
- USD tại NH Á Châu - CN Bình Dương	678,995.73	11.527.310.508
- USD tại NH Đông Á - CN Bình Dương	52,588.47	892.794.455
- USD tại NH Công Thương - CN Bình Phước	219.94	3.733.921
- VND tại NH ĐT và PT - CN Bình Dương	-	22.120.946
- VND tại NH NT - CN Bình Dương	-	16.453.157
- VND tại NH Á Châu - CN Bình Dương	-	195.504.147
- VND tại NH Đông Á - CN Bình Dương	-	7.738.781
- VND tại NH Công Thương - CN Bình Phước	-	2.034.957
- VND tại NH NN&PTNT - CN Bình Phước	-	1.120.793
<b>Cộng</b>	<b><u>732.195,82</u></b>	<b><u>12.675.461.216</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:**

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Tiền gửi có KH tại NH TMCP Á Châu	2.904.251.092	1.548.819.000
- Tiền gửi có KH tại NH Đông Á	-	5.000.000.000
- Tiền gửi UT tại Công ty Tài chính Cao su	-	18.000.000.000
- Tiền gửi có KH tại NH TMCP Đ.Nam Á	-	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.904.251.092</u></b>	<b><u>26.548.819.000</u></b>



8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, Vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, trang thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
	Đơn vị: VND					
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	58.774.140.546	33.387.192.861	13.681.493.718	1.925.474.225	-	107.768.301.350
- Mua trong kỳ	-	7.463.373.348	1.312.328.414	21.598.900	-	8.797.300.662
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.292.798.760	-	-	-	-	1.292.798.760
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(62.547.400)	-	-	-	(62.547.400)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>60.066.939.306</u></b>	<b><u>40.788.018.809</u></b>	<b><u>14.993.822.132</u></b>	<b><u>1.947.073.125</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>117.795.853.372</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	11.182.073.579	11.997.114.532	630.778.840	1.348.038.430	-	25.158.005.381
- Khấu hao trong kỳ	4.068.196.708	4.541.901.195	1.630.985.434	77.928.616	-	10.319.011.953
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(10.445.420)	-	-	-	(10.445.420)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>15.250.270.287</u></b>	<b><u>16.528.570.307</u></b>	<b><u>2.261.764.274</u></b>	<b><u>1.425.967.046</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>35.466.571.914</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<u>47.592.066.967</u>	<u>21.390.078.329</u>	<u>13.050.714.878</u>	<u>577.435.795</u>	-	<u>82.610.295.969</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>44.816.669.019</u>	<u>24.259.448.502</u>	<u>12.732.057.858</u>	<u>521.106.079</u>	-	<u>82.329.281.458</u>





**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	Đơn vị: VND	
- Tổng số chi phí XDCB dở dang:	<b>487.249.060</b>	<b>1.139.023.580</b>
Trong đó:		
+ Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	409.749.060	-
+ Chi phí xây lắp	-	656.835.104
+ Máy móc thiết bị	-	234.050.715
+ Chi phí khác	77.500.000	248.137.761

**13. Đầu tư dài hạn khác:**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	Đơn vị: VND	
- Đầu tư cổ phiếu	-	-
- Đầu tư trái phiếu	-	-
- Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	7.200.000.000	7.438.111.250
+ Góp vốn vào Công ty Cao su Chư Prông (i)	-	1.438.111.250
+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cao su Phú Thịnh (ii)	<u>7.200.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.200.000.000</u></b>	<b><u>7.438.111.250</u></b>

(i): Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 45/HĐ-TAC ngày 26 tháng 6 năm 2008 Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Thuận An đã chuyển nhượng cho Công ty Cao su Chư Prông phần vốn góp số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.

(ii): Khoản góp vốn tương ứng với 72.000 cổ phần chiếm 19,24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh tính đến thời điểm 31/12/2008. Đến thời điểm 31/12/2008, vốn góp của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An là 1.400.000.000 đồng tương đương 14.000 cổ phần, vốn huy động của cán bộ công nhân viên là 5.800.000.000 đồng tương đương 58.000 cổ phần.

Đối với các cán bộ công nhân viên tham gia góp vốn sẽ được hưởng cổ tức và gánh chịu rủi ro (nếu có) theo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

**14. Chi phí trả trước dài hạn:**

	<u>31/12/2008</u>	<u>01/01/2008</u>
	Đơn vị: VND	
- Chi phí lập website, hệ thống ISO 9001	24.096.334	103.624.618
- Chi phí trả trước dài hạn khác	465.188.939	155.642.726
<b>Cộng</b>	<b><u>489.285.273</u></b>	<b><u>259.267.344</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.134.143
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.911.896	679.743.935
- Thuế thu nhập cá nhân	27.719.598	68.880.074
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	14.500.000	11.037.878
<b>Cộng</b>	<b><u>189.131.494</u></b>	<b><u>763.796.030</u></b>

**17. Chi phí phải trả:**

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Trích trước chi phí hàng xuất khẩu	50.000.000	37.849.473
<b>Cộng</b>	<b><u>50.000.000</u></b>	<b><u>37.849.473</u></b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:**

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Tài sản thừa chờ xử lý	(i) 108.477.789	76.353.530
- Bảo hiểm xã hội, y tế	72.665.948	132.931.258
- Kinh phí công đoàn	77.806.975	180.105.162
- Phải trả khác	(ii) 6.053.701.746	59.958.528.246
<b>Cộng</b>	<b><u>6.312.652.458</u></b>	<b><u>60.347.918.196</u></b>

(i): Tài sản thừa chờ xử lý là giá trị thành phẩm, nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ thừa theo số liệu thực tế kiểm kê tại ngày 31/12/2008

(ii) Trong đó bao gồm:

- Phải trả cán bộ công nhân viên tiền góp vốn mua cổ phần Công ty CP ĐTXD Phú Thịnh: 5.800.000.000 đồng
- Cổ tức năm 2006 và 2007 còn lại chưa trả: 220.916.500 đồng
- Phải trả khác: 32.785.246 đồng

**22. Vốn chủ sở hữu:**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Cổ phiếu ngân quỹ</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>84.077.500.000</b>	<b>10.153.995.000</b>	-	<b>533.281.470</b>	<b>888.091.187</b>	<b>13.849.402.453</b>	<b>109.502.270.110</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	14.848.247.132	14.848.247.132
- Tăng khác	-	-	-	692.470.123	703.423.060	-	1.395.893.183
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức năm 2006	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức đợt 1 năm 2007	-	-	-	-	-	(6.726.200.000)	(6.726.200.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(2.919.327.453)	(2.919.327.453)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu năm nay</b>	<b>84.077.500.000</b>	<b>10.153.995.000</b>	-	<b>1.225.751.593</b>	<b>1.591.514.247</b>	<b>8.122.047.132</b>	<b>105.170.807.972</b>
- Tăng vốn trong năm nay	19.922.500.000	31.828.005.000	-	-	-	-	51.750.505.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7.631.274.157	7.631.274.157
- Tăng khác	-	-	(4.367.674.414)	788.982.357	742.412.357	-	(2.836.279.700)
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức đợt 2 năm 2007 (*)	-	-	-	-	-	(5.153.430.000)	(5.153.430.000)
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(2.968.617.132)	(2.968.617.132)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>104.000.000.000</b>	<b>41.982.000.000</b>	<b>(4.367.674.414)</b>	<b>2.014.733.950</b>	<b>2.333.926.604</b>	<b>7.631.274.157</b>	<b>153.594.260.297</b>

(\*): Chia cổ tức đợt 2 năm 2007 theo tỷ lệ 5% từ khoản lợi nhuận chưa phân phối năm 2007.





b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Vốn góp của các cổ đông	101.300.000.000	84.077.500.000
- Cổ phiếu quỹ (i)	2.700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>104.000.000.000</u></b>	<b><u>84.077.500.000</u></b>

(i): Số lượng cổ phiếu quỹ: 270.000 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu quỹ: 10.000 VND/1 cổ phiếu

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	<u>Năm 2008</u>	Đơn vị: VND <u>Năm 2007</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	84.077.500.000	84.077.500.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	19.922.500.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	104.000.000.000	84.077.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.153.430.000	9.645.527.453

d. Cổ phiếu:

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.400.000	8.407.750
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.400.000	8.407.750
+ Cổ phiếu phổ thông	10.400.000	8.407.750
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	270.000	-
+ Cổ phiếu phổ thông	270.000	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.130.000	8.407.750
+ Cổ phiếu phổ thông	10.130.000	8.407.750
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 VND/1 cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp:

	<u>31/12/2008</u>	Đơn vị: VND <u>01/01/2008</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.014.733.950	1.225.751.593
- Quỹ dự phòng tài chính	2.333.926.604	1.591.514.247
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.348.660.554</u></b>	<b><u>2.817.265.840</u></b>



**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Đơn vị: VND

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>163.592.110.640</b>	<b>133.959.564.250</b>
- Doanh thu bán hàng	163.592.110.640	133.959.564.250
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-

**26. Các khoản giảm trừ doanh thu:**

Đơn vị: VND

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>3.367.235.854</b>	<b>319.584.703</b>
- Hàng bán bị trả lại	3.367.235.854	319.584.703

**27. Doanh thu thuần:**

Đơn vị: VND

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
<b>D. thu thuần về bán hàng và cung cấp d. vụ</b>	<b>160.224.874.786</b>	<b>133.639.979.547</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	160.224.874.786	133.639.979.547
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	-

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp:**

Đơn vị: VND

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Giá vốn thành phẩm đã bán	146.552.065.720	118.019.983.078
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	403.937.290	-
<b>Cộng</b>	<b>146.956.003.010</b>	<b>118.019.983.078</b>

**29. Doanh thu hoạt động tài chính:**

Đơn vị: VND

	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.752.147.150	1.965.578.081
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	563.746.787	430.541.374
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.432.049.905	235.693.861
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	184.456.514	3.527.310
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (i)	2.157.166.875	-
<b>Cộng</b>	<b>6.089.567.231</b>	<b>2.635.340.626</b>

(i): Khoản lợi nhuận từ chuyển nhượng phần góp vào Công ty Cao su Chur Prông số tiền 1.438.111.250 đồng với mức giá chuyển nhượng là 3.595.278.125 đồng.

**30. Chi phí tài chính:**





	Đơn vị: VND	
	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
- Lãi tiền vay	-	347.443.606
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	201.451.542	162.783.801
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>201.451.542</b>	<b>510.227.407</b>

### 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

	Đơn vị: VND	
	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.243.545.803	1.641.437.307
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.243.545.803</b>	<b>1.641.437.307</b>

(*) <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:</b>	(1)	<b>8.874.819.960</b>
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(2)	438.360.501
+ <i>Thù lao hội đồng quản trị</i>		201.000.000
+ <i>Các khoản điều chỉnh tăng khác</i>		237.360.501
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	(3)	(760.622.804)
+ <i>Cổ tức được chia từ khoản góp vốn vào Công ty Cao su Chư Prông.</i>		(563.746.787)
+ <i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>		(196.876.017)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế: (=1)+(2)+(3)</b>		<b>8.552.557.657</b>
<u>Trong đó:</u>		
Thu nhập chịu thuế của hoạt động chuyển nhượng vốn	(4)	2.157.166.875
Thu nhập chịu thuế của các hoạt động còn lại	(5)	6.395.390.782
<i>Thuế suất thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng vốn</i>	(6)	28%
<i>Thuế suất thuế TNDN của các hoạt động còn lại</i>	(7)	10%
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng vốn: (=4)*(6)	(8)	604.006.725
Thuế TNDN của các hoạt động còn lại: (=5)*(7)	(9)	639.539.078
<b>Thuế thu nhập hiện hành (=8)+(9)</b>		<b>1.243.545.803</b>



### 33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123.286.413.321	57.274.261.114
- Chi phí nhân công	18.926.988.715	14.701.426.396
- Chi phí khấu hao TSCĐ	10.319.011.953	7.709.746.544
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.379.523.322	3.163.843.850
- Chi phí khác bằng tiền	7.018.115.459	4.590.028.947
<b>Cộng</b>	<b><u>162.930.052.770</u></b>	<b><u>87.439.306.851</u></b>

### 34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Đơn vị: VND	
	<u>Năm 2008</u>	<u>Năm 2007</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	7.631.274.157	14.848.247.132
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.631.274.157	14.848.247.132
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.098.900	8.047.750
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>756</b>	<b>1.766</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 5. Thông tin so sánh:

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính kế toán (AFC) tại Hà Nội.

#### 6. Tính hoạt động liên tục của Công ty:

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định công ty sẽ hoạt động liên tục.

#### 7. Ảnh hưởng của việc tính thuế:

Theo ý kiến của Cục thuế tỉnh Bình Dương Năm tài chính 2007 Công ty không đạt tỷ lệ trên 50% doanh thu giá trị hàng hoá xuất khẩu. Do đó Công ty không được giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong năm 2007 theo Thông tư số 128/2003/TT- BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ- CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ. Tuy nhiên hiện đang có sự khác nhau về tỷ lệ kinh doanh hàng hoá xuất khẩu trên tổng doanh thu làm cơ sở thực hiện miễn giảm thuế TNDN theo Nghị định số 164/2003/NĐ- CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ và Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư bổ sung số 43/CN



– UB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (thay thế Giấy phép ưu đãi đầu tư số 30/CN-UB ngày 22 tháng 3 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương). Vì vậy, các ảnh hưởng về thuế TNDN của năm tài chính 2007 theo biên bản kiểm tra thuế của Cục Thuế tỉnh Bình Dương Công ty chưa thực hiện điều chỉnh và năm tài chính 2008, Công ty đang tiếp tục áp dụng giảm 50% thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo Giấy phép ưu đãi đầu tư bổ sung số 43/CN – UB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương để tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Các thay đổi về thuế sẽ được Công ty thực hiện điều chỉnh sau khi có kết luận cuối cùng của các cơ quan có chức năng.

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2009

## VI - TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số cán bộ công nhân viên tính đến ngày 31/12/2008 là 915 người. Chính sách đối với người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật lao động. Tiền lương bình quân trong năm đạt 2.317.404đồng /người/tháng.

Trong năm 2008, Hội đồng quản trị Công ty CP chế biến gỗ Thuận An đã quyết định :

- Bổ nhiệm ông Trần Văn Đá giữ chức vụ Giám đốc công ty thay thế cho ông Đỗ Văn Bình từ ngày 1/7/2008.
- Bổ nhiệm bà Lê Thị Xuyên và ông Đặng Quốc Cường giữ chức vụ Phó Giám đốc công ty từ ngày 1/7/2008.
- Đại hội Đồng thường niên ngày 28/4/2008 đã bầu lại HĐQT và Ban kiểm soát.
- Tổng mức thu lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2008 là : 201.000.000 đồng.

### ✦ Danh sách thành viên trong ban điều hành :

#### ▪ Hội đồng quản trị

- |                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| - Ông Lê Minh Châu    | - Chủ tịch HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Ngọc | - Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Nguyễn Sỹ Thụy  | - Ủy viên HĐQT  |
| - Ông Ngô Trường Kỳ   | - Ủy viên HĐQT  |
| - Bà Lê Thị Xuyên     | - Ủy viên HĐQT  |

#### ▪ Danh sách Ban Giám đốc:

- |                       |                |
|-----------------------|----------------|
| - Ông Trần Văn Đá     | - Giám đốc Cty |
| - Bà Lê Thị Xuyên     | - Phó Giám đốc |
| - Ông Đặng Quốc Cường | - Phó Giám đốc |

#### ▪ Danh sách Ban Kiểm soát:

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| - Bà Trần Thị Kim Thanh | - Trưởng ban |
| - Bà Nguyễn Thị Oanh    | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Hai        | - Thành viên |



**✚ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành :**

**1. Họ và tên: LÊ MINH CHÂU - Chủ tịch HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01-11-1953
- Nơi sinh: Thị trấn Dầu Tiếng - Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thị trấn Dầu Tiếng - Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Dầu Tiếng - Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 08 9322998
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :  
Tham gia cách mạng tháng 05/1971  
Năm 1984 đến 1994 : Giám đốc Công ty Cao su Krông Buk  
Năm 1995 đến 2001 : Phó Giám đốc Công ty Cao su Dầu Tiếng  
Năm 2002 đến 2004 : Giám đốc Công ty Cao su Phú Riềng  
Năm 2005 đến nay : Phó tổng Giám đốc  
Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- Số cổ phiếu nắm giữ 5.460 CP
- Thù lao nhận năm 2008: 31.000.000 đồng

**2. Họ và tên: NGUYỄN SỸ THỤY - Ủy viên HĐQT**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02-11-1955
- Nơi sinh: Bình Long, Bình Phước
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Phước
- Địa chỉ thường trú: Ấp 4B, Thị trấn Lộc Ninh, Bình Phước.
- Điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:



Năm 1972 đến nay Công tác tại Công ty cao su Lộc Ninh.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty cao su Lộc Ninh
- Thù lao nhận năm 2008: 14.000.000 đồng

### 3. Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGỌC - Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12 - 1 - 1956
- Nơi sinh: xã Tân An – TX Thủ Dầu Một – Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Nai
- Địa chỉ thường trú: 113/29/92 Phú Hoà, TX Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Sư phạm
- Quá trình công tác:  
Năm 1975 – 1991 Phó phòng tổ chức cán bộ Sở Giáo dục.  
Năm 1997- nay Phó giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty Cao su Phước Hoà.
- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2008: 14.000.000 đồng

### 4. Họ và tên: NGÔ TRƯỜNG KỶ - Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26-07-1953
- Nơi sinh: Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp.HCM
- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Bình, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
Năm 1988 đến 1999: Kế toán trưởng công ty cao su Đồng Phú.  
Năm 2000 đến nay: Phó giám đốc Công ty cao su Đồng Phú.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty cao su Đồng Phú.





- Số cổ phiếu nắm giữ CP
- Thù lao nhận năm 2008: 14.000.000 đồng

**5. Họ và tên: LÊ THỊ XUYẾN - Ủy viên HĐQT**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 7-11-1972
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 35 đường 20, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650-718 031
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 2002 đến 2003 Trưởng phòng SXKD Công ty CP CB gỗ Thuận An..
  - Từ năm 2004 đến 2008 Kế toán trưởng Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An..
  - Từ năm 01/07/08 đến nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An.
- Số cổ phiếu nắm giữ 19.470 CP
- Thù lao nhận năm 2008: 14.000.000 đồng

**6. Họ và tên: TRẦN VĂN ĐÁ – Giám đốc Công ty**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26.11.1959
- Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Thuận
- Địa chỉ thường trú: 61 đường số 6, P.4, Q.4, Tp.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0650.3718031
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
  - Năm 1984 đến 1990: Công tác tại Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam.
  - Năm 1990 đến tháng 6/2008: Công tác tại Cty CP XNK cao su, chức vụ cao nhất: Phó giám đốc Công ty CP XNK cao su.



- Từ 1/7/2008 đến nay: Giám đốc Công ty CP chế biến gỗ Thuận An.
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty CP chế biến gỗ Thuận An.
  - Ngày 5/3/2009 : Đăng ký mua 10.000CP GTA
  - Số cổ phiếu nắm giữ 10.000CP
  - Tiền lương nhận năm 2008: 79.000.000 đồng

**7. Họ và tên: TRẦN THỊ KIM THANH - Trưởng ban KS**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/05/1966
- Nơi sinh: Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn An Lộc, Bình Long, Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0651-666186
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:  
Công tác tại phòng Kế toán Công ty Cao su Bình Long từ năm 1990
- Chức vụ Hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cao su Bình Long
- Số cổ phiếu nắm giữ 3.550 CP
- Thù lao nhận năm 2008: 21.500.000 đồng

**8. Họ và tên: NGUYỄN THỊ OANH - TV Ban KS**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20.08.1965
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Phú Riềng, Phước Long, Bình Phước
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng tài chính kế toán Công ty Cao su Phú Riềng
- Số cổ phiếu nắm giữ 2.000 CP
- Thù lao nhận năm 2008: 10.500.000 đồng



## 9. Họ và tên: NGUYỄN HAI - TV Ban KS

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30.01.1965
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: Xuân Lộc, Long Khánh, Đồng Nai
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Chức vụ Hiện nay: Phó phòng XD/CB Công ty Cao su Đồng Nai
- Số cổ phiếu nắm giữ: CP
- Thù lao nhận năm 2008: 10.500.000 đồng

## ✚ DỮ LIỆU THỐNG KÊ CỔ ĐỒNG ĐẾN NGÀY 17/03/2009

STT	Cơ cấu	Số lượng CP	Tỷ lệ
<b>1</b>	<b>Trong nước</b>	<b>10.016.412</b>	<b>98,88%</b>
	Cá nhân	2.642.779	26,09%
	Tổ chức	7.373.633	72,79%
<b>2</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>113.588</b>	<b>1,12%</b>
	Cá nhân	73.963	0,73%
	Tổ chức	39.625	0,39%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.130.000</b>	<b>100,00%</b>

**GIÁM ĐỐC**

**TRẦN VĂN ĐÁ**

### Nơi nhận :

- Ủy ban chứng khoán NN
- Sở GD&ĐT Tp.HCM
- Trung tâm lưu ký CK Tp.HCM
- Website : [www.tac.com.vn](http://www.tac.com.vn)
- Lưu VT